

Tiêu chuẩn mới về sự hoàn hảo trong việc thả bê tông
Máy trải bê tông xi măng
SP 64



Tổng quan: Các đặc điểm nổi bật của dòng máy SP 64 mới

Đặc điểm nổi bật trong việc trải bê tông

1 | TÍNH NĂNG LINH HOẠT TRONG VIỆC TRẢI BÊ TÔNG

Máy trải bê tông xi măng đạt được tính hoàn hảo trong việc thăm với độ chính xác cao các bản bê tông với bề rộng từ 2 m đến 6 m và các bản có bề dày lên đến 450 mm. Bề rộng thăm lên đến 7.5 m có thể thực hiện được khi máy làm việc với cấu hình không lắp bộ chèn thanh nổi dọc (DBI) và bộ dẫn động rung bằng điện.

2 | KHUÔN BÊ TÔNG ĐÃ ĐƯỢC CHỨNG NHẬN

Khuôn trải dạng inset dòng 910 m hoặc 910 wm là có sẵn. Dòng series 910 wm được trang bị thêm tấm chịu mài mòn dạng cong (tiêu chuẩn) và dạng có mái dốc ở giữa như một tùy chọn.

3 | MÁY TÍCH HỢP BỘ CHÈN THANH NỔI - HỆ THỐNG THÉP GIA CỐ

Bộ chèn thanh nổi dọc tự động và bộ chèn thanh nổi ngang bên hông và ở tâm vệt trải là những tùy chọn có sẵn để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.

4 | CÁC TÙY CHỌN VỀ HỆ THỐNG ĐÀM NÉN

Tùy vào yêu cầu của khách hàng, xe trải có thể trang bị bộ dẫn động rung bằng điện hoặc thủy lực. Ở thiết kế tiêu chuẩn sẽ có 6 đầu nổi thủy lực (tùy chọn 12 và 18 đầu nổi) nhưng cũng có tùy chọn tương thích với 18 đầu nổi cho bộ rung bằng điện.

Các đặc điểm về động cơ và vận hành thiết bị

5 | BỘ KIỂM SOÁT ĐỘNG CƠ HIỆU QUẢ

Chế độ ECO MODE sẽ điều chỉnh tự động công suất đầu ra của động cơ ứng với yêu cầu năng suất làm việc hiện thời, vì vậy đảm bảo giảm tiêu thụ nhiên liệu và giảm mức độ tiếng ồn phát sinh.

6 | CÔNG NGHỆ ĐỘNG CƠ TỐI TÂN

Máy SP 64 với động cơ công suất cao và tối tân (155kW / 208HP / 211 PS) tương thích với tiêu chuẩn khí thải EU stage 3 / US Tier 3.

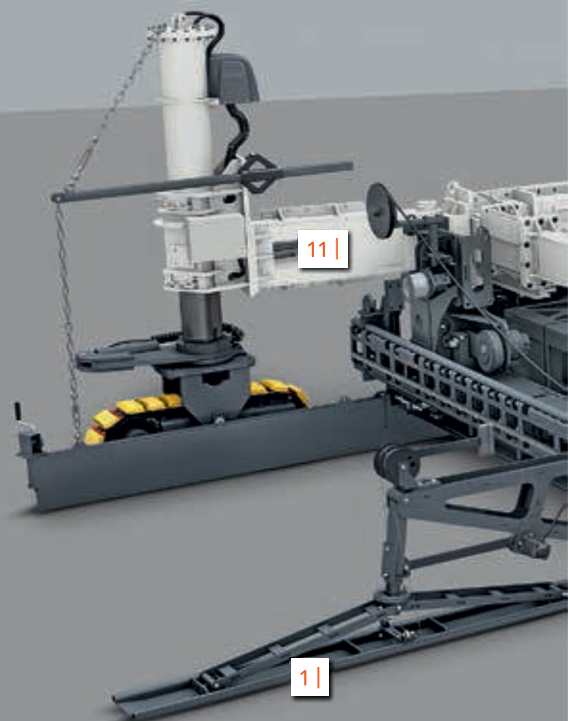
7 | THIẾT KẾ HOÀN HẢO VÀ CÁC THAO TÁC VẬN HÀNH AN TOÀN

Vận hành máy một cách dễ chịu được đảm bảo nhờ vào khu vực làm việc được thiết kế tuyệt vời, qua đó cung cấp tính năng vận hành thân thiện và tầm quan sát tối ưu.

Các tính năng nổi trội của bộ điều khiển

8 | HỆ THỐNG DẪN ĐỘNG VÀ LÁI CHUYỂN CHÍNH XÁC

Hệ thống kiểm soát và lái chuyển thông minh cho phép sự vận hành vượt trội thậm chí ở các khúc cua hẹp mà vẫn cho phép độ chính xác cao khi trải.



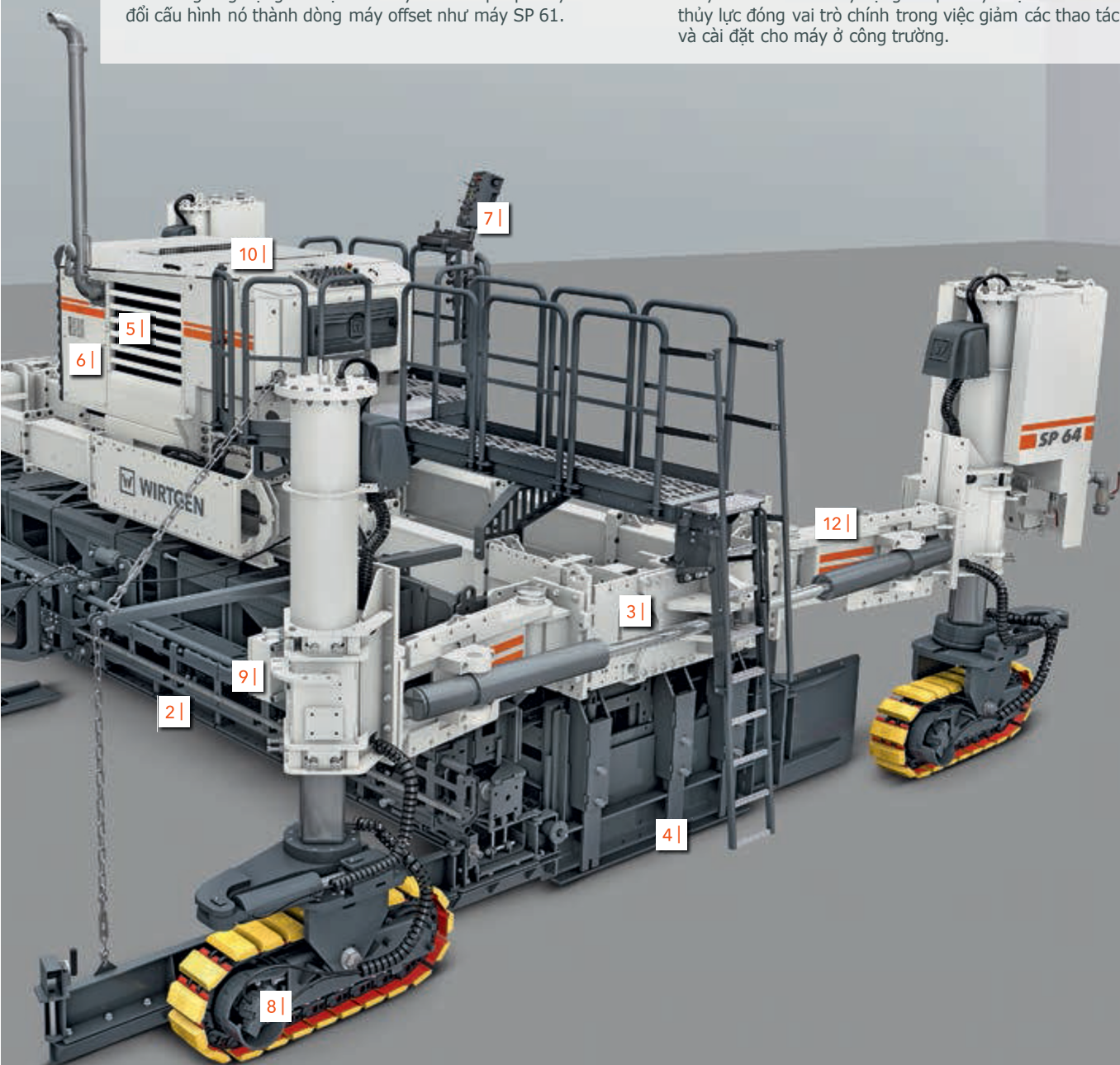
Đặc điểm nổi bật trong thiết kế

11 | THIẾT KẾ MÁY THEO KHỐI ĐỒNG NHẤT

Máy được thiết kế theo kết cấu khối đồng bộ với sự cải biên linh hoạt, dễ tháo lắp các tùy chọn thêm và dễ điều chỉnh theo từng ứng dụng trải cụ thể. Máy còn cho phép chuyển đổi cấu hình nó thành dòng máy offset như máy SP 61.

12 | TÍNH NĂNG VẬN CHUYỂN THÔNG MINH

Kích cỡ máy gọn gàng cùng các yêu cầu cải biến máy tối thiểu đảm bảo sự dễ dàng vận chuyển máy và giúp giảm chi phí vận chuyển. Các chân máy dạng khớp xoay được điều khiển bằng thủy lực đóng vai trò chính trong việc giảm các thao tác lắp đặt và cài đặt cho máy ở công trường.



9 | HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN MÁY THÔNG MINH VƯỢT TRỘI

Giao diện tiêu chuẩn cho phép chẩn đoán nhanh và chính xác tình trạng máy cùng với hệ thống WITOS hiện đại giúp gia tăng hiệu quả của việc vận hành máy hàng ngày.

10 | GIAO DIỆN 3D ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH

Giao diện đã được thực tế chứng thực đảm bảo sự tương thích một cách có kiểm chứng với hệ thống kiểm soát 3D được hỗ trợ bởi các nhà cung cấp thứ danh.

Thông số kỹ thuật

04
05

	SP 64
Phạm vi ứng dụng	
Ứng dụng với máy loại không có khuôn cho phép tạo mái dốc ở giữa	Bề rộng thảm: 2 đến 6 m ^{*1} Bề dày thảm: lên đến 500 mm ^{*1}
Ứng dụng với máy loại có khuôn cho phép tạo mái dốc ở giữa	Bề rộng thảm: 3.5 đến 6 m ^{*1} Bề dày thảm: lên đến 500 mm ^{*1}
Hệ thống cấp bê tông vào	
Guồng xoắn dàn bê tông	Nới rộng được lên đến 6 m
Tấm gạt / Thanh gạt bê tông	Nới rộng được lên đến 6 m
Trang bị thảm bê tông	
Khuôn trải loại 910 m (Không bao gồm khuôn dạng cong và dạng có mái dốc)	Nới rộng được lên đến 6 m
Khuôn trải loại 910 wm (Bao gồm khuôn dạng cong, bao gồm hoặc không bao gồm loại mái dốc)	Nới rộng được lên đến 6 m
Bộ chèn thanh nối dọc (DBI)	Nới rộng được lên đến 6 m
Bộ phận day/miết trên bề mặt vệt trải	Nới rộng được lên đến 6 m
Bộ phận bàn xoa	Nới rộng được lên đến 6 m
Bộ chèn các thanh nối ngang giữa lớp trải	1
Bộ chèn các thanh nối ngang bên hông	Bên phải và / hoặc bên trái
Hệ thống đầm rung và các mạch dẫn động	
Hệ thống rung bằng thủy lực	6 giắc nối (Tùy chọn 12 hoặc 18 giắc nối)
Hệ thống rung bằng điện	18 giắc nối
Bộ rung được dẫn động bằng thủy lực	Thanh cong (D66)
Bộ rung được dẫn động bằng điện	Thanh cong (D76)
Động cơ	
Nhà sản xuất	Deutz
Loại	TCD 2012 L06 2V
Hệ thống làm mát	Bảng nước
Số xi lanh	6
Công suất định mức ở 2,000 vòng/phút	155 kW / 208 HP / 211 PS
Dung tích xi lanh	6,057 cm ³
Tiêu thụ nhiên liệu, toàn tải	42 lít/h
Tiêu thụ nhiên liệu, 2/3 tải	17 lít/h
Tiêu chuẩn khí thải	EU Stage 3a / US Tier 3

	SP 64
Hệ thống điện	
Nguồn cấp	24V DC
Bộ rung điều khiển bằng điện	110 V AC 3~
Dung tích các thùng chứa	
Thùng nhiên liệu	400 lít
Thùng Adblue® / DEF	-
Thùng dầu thủy lực, máy với bộ rung bằng điện	200 lít
Thùng dầu thủy lực, máy với bộ rung bằng thủy lực	400 lít
Thùng nước	500 lít + 500 lít
Đặc tính bộ dẫn động	
Tốc độ trái	B0: 0 đến 6 m/phút, B1: 0 đến 7 m/phút
Tốc độ lúc di chuyển	B0: 0 đến 21 m/phút, B1: 0 đến 23.5 m/phút
Bánh xích	
Số bánh	4
Loại B0: Kích thước (L x W x H)	1,490 x 300 x 570 mm
Loại B1: Kích thước (L x W x H)	2,040 x 300 x 580 mm
Hệ thống cao độ	
Điều chỉnh bằng thủy lực	1,100 mm
Điều chỉnh bằng cơ khí	420 mm
Khuôn có thể tạo mái dốc ở giữa	
Phạm vi có thể điều chỉnh	Bề rộng thảm từ 2 đến 6 m: Tối đa 3%*2
Kích thước vận chuyển (L x W x H)	
Bề rộng thảm 3.5 m: Máy với khuôn thảm loại 910 m / 910 wm, bao gồm thanh gạt vật liệu bộ phận day trên bề mặt vệt trái và bàn xoa	9,000 x 3,000 x 3,100 mm
Bề rộng thảm 6 m: Máy với khuôn thảm loại 910 m / 910 wm, bao gồm thanh gạt vật liệu bộ phận day trên bề mặt vệt trái và bàn xoa	11,500 x 3,000 x 3,100 mm
Khối lượng máy	
Khối lượng vận hành CE (gồm khuôn trái loại 910 m), 3.5 m	19,000 kg*3
Khối lượng máy	17,100 đến 45,000 kg*3

*1= Liên hệ thêm với nhà máy khi có yêu cầu các bề rộng trái, bề dày trái đặc biệt cũng như các tùy chọn cụ thể

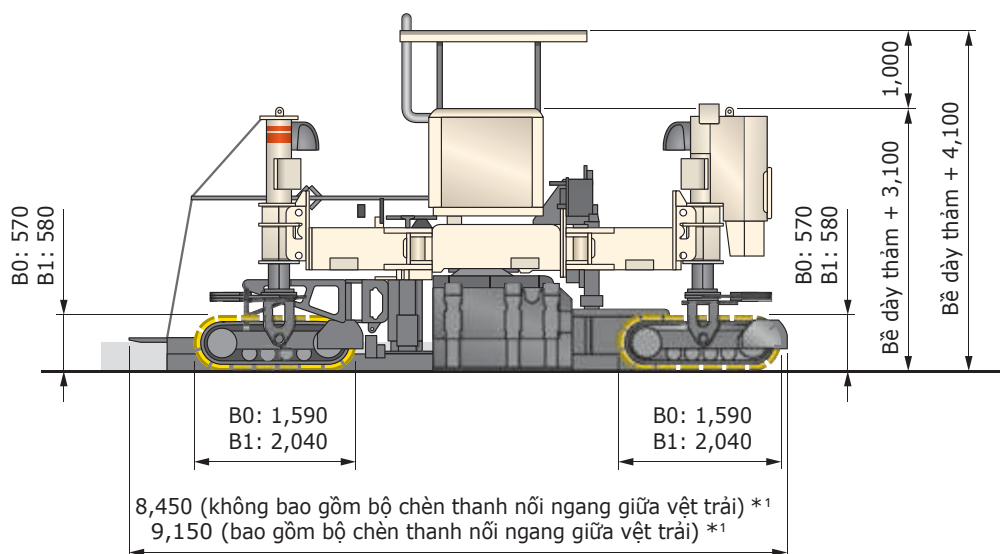
*2= Các giá trị về chiều cao vận chuyển này là theo tiêu chuẩn, vui lòng liên hệ với đội tư vấn của nhà máy để biết thêm các kích cỡ máy đặc biệt.

*3= Khối lượng máy tùy thuộc vào phạm vi sử dụng máy, các trang bị theo máy và bề rộng thảm.

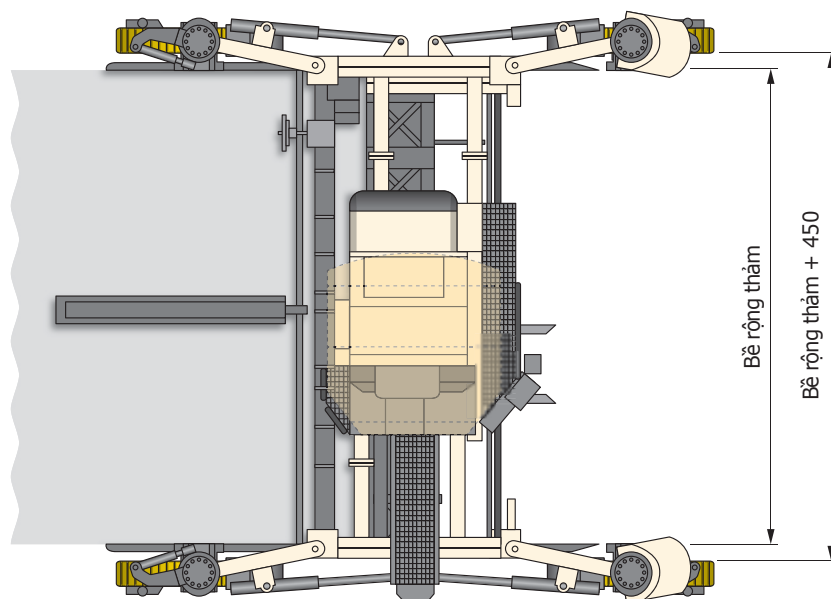
Kích thước máy

06
07

Cấu hình tham: Máy trải bê tông xi măng SP 64 được trang bị guồng xoắn dàn trải bê tông hoặc thanh gạt liệu, khuôn trải loại 910 m / 910 mm, bộ phận day/miết trên bề mặt vệt trải và bộ bàn xoa



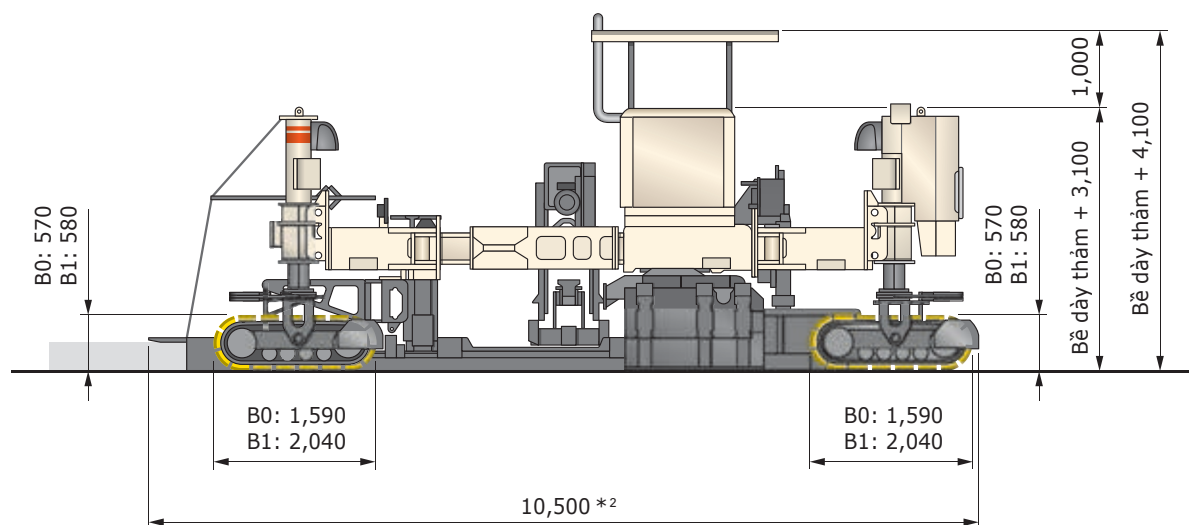
Hướng làm việc



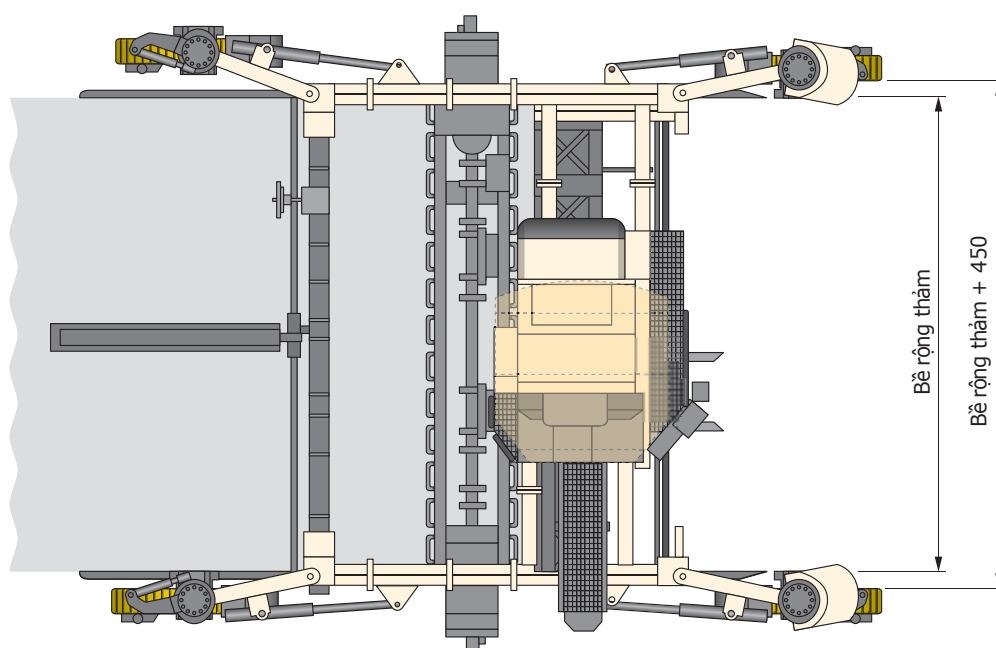
Kích thước mm

*¹ = Bộ chèn thanh nối ngang giữa vệt trải (kiểu khớp xoay) và bộ chèn thanh nối ngang bên hông không được hiển thị.

Cấu hình thảm: Máy trải bê tông xi măng SP 64 được trang bị guồng xoắn dàn trải vật liệu hoặc thanh gạt vật liệu, khuôn thảm loại 910 m / 910 mm, bộ chèn thanh nổi dọc (DBI), bộ phận day trên bề mặt vật trải và bộ bàn xoa.



Hướng làm việc



Kích thước mm

*2 = Áp dụng cho máy với bộ chèn thanh nổi ngang giữa vật trải loại tiêu chuẩn (không phải dạng khớp xoay)

Trang bị tiêu chuẩn

08
09

		SP 64
Máy cơ sở		
Hệ thống làm mát với tốc độ quạt làm mát thay đổi theo nhiệt độ		■
Hệ thống điện 24 V		■
Thùng nhiên liệu 400 lít		■
Hệ thống thủy lực với thùng dầu thủy lực đủ lớn và hộp số lai bơm với 2 trục truyền động cùng các bơm thủy lực thỏa mãn các yêu cầu dành cho máy có các trang bị tiêu chuẩn		■
Khung máy và hệ thống điều chỉnh cao độ máy		
Cùng với các điểm cố định, khung máy được thiết kế đáp ứng việc thực hiện các cụm chức năng cho tất cả các thao tác làm việc của máy		■
Khung thép vững chắc, thu đẩy theo từng cấp với tổng chiều dài 875 mm từ phía trước ra phía sau; có thể mở rộng thêm bởi các đoạn nối rộng cố định.		■
Có thể kết nối thêm các trang bị thảm bê tông để thay đổi bề rộng thảm từ 2 lên 6 m, với các bộ tùy chọn thêm cho phép đạt đến bề rộng 7.5 m		■
Các cụm bộ phận trên khung máy có thể thu đẩy bằng cơ khí từng cấp một để có thể làm việc với bề rộng 4 m		□
Các bánh xích và sự kết nối các bánh xích		
Tốc độ thảm: Bộ bánh xích loại B0: 0 đến 6 m/phút và loại B1: 0 đến 7 m/phút		■
Tốc độ di chuyển: Bánh xích loại B0: 0 đến 21 m/phút và loại B1: 0 đến 23.5 m/phút		■
4 xi lanh thủy lực điều chỉnh cao độ với hành trình 1,100 mm		■
Phiên bản 4 bánh xích loại B0 với khả năng điều chỉnh chiều cao lên đến 1,000 mm và rộng 300 mm		□
Phiên bản với 2 bánh xích có thể xoay bằng cách thủ công, gắn cho phía trước và sau		□
Hệ thống lái chuyển, cao độ và bộ điều khiển		
WI-CONTROL - Bộ điều khiển chất lượng cao để tối ưu sự tương tác giữa các chức năng của máy		■
Tin nhắn báo lỗi hiển thị trên màn hình hiển thị		■
Hệ thống CAN BUS trên máy có thể mở rộng được với từng yêu cầu cụ thể của người dùng		■
Chế độ ECO: Bộ kiểm soát động cơ giúp tối ưu các lệnh điều chỉnh, từ đó làm giảm sự tiêu thụ nhiên liệu và giảm sự phát sinh tiếng ồn		■
Lái chuyển và cao độ được điều khiển bằng tín hiệu điện thủy lực một cách tỉ lệ nhờ vào hệ thống PLC gồm 4 cảm biến cao độ và 2 cảm biến lái chuyển		■
Bộ lắp cảm biến có thể điều chỉnh chiều cao và phạm vi hoạt động		■
Độ nghiêng tối ưu được kiểm soát bằng cảm biến góc dốc		■
Nhận dạng tự động cấu hình máy đang sử dụng cho phép định vị hướng làm việc cho người vận hành		■
Xi lanh lái chuyển máy được trang bị thêm cùng với 4 bánh xích loại B0		□

- = Trang bị tiêu chuẩn
■ = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế bằng trang bị tùy chọn
□ = Trang bị tùy chọn

		SP 64
Bộ rung		
Bộ dẫn động rung thủy lực với 18 thanh rung		☐
6 thanh rung dạng cong D66, được dẫn động bằng thủy lực		☐
Trang bị để trải bê tông		
Khuôn loại 910 m, không bao gồm khuôn dạng mái dốc ở giữa - Bề rộng cơ sở 3.5 m		☐
Be chắn hông (liền mảnh) cho khuôn thảm loại 910 m / 910 wm		☐
Khoang vận hành		
Khoang vận hành thoải mái với tầm quan sát vùng làm việc tối đa		☒
Bảng điều khiển 1 để cài đặt cho máy theo điều kiện công trường		☒
Bảng điều khiển 2 với màn hình hiển thị đa chức năng, cung cấp các menu giúp người vận hành thấy được tất cả các thông số máy cần thiết và cho phép điều chỉnh các thông số theo mong muốn. Điều này tương thích với hướng di chuyển và cấu hình thảm.		☒
Vận hành tiện lợi với 2 bảng điều khiển, ngôn ngữ dễ hiểu và các biểu tượng tượng hình		☒
Một trong số các bảng điều khiển có thể lưu trữ trong khoang chứa động cơ; bảng điều khiển thứ 2 được bảo vệ chống lại các tác động phá hoại cũng như tác động của yếu tố thời tiết nhờ vào bảng che có ổ khóa		☒
Khác		
Máy có các chuẩn bị để lắp được các bộ điều khiển cho Hệ thống viễn tin WITOS Fleetview. "Hệ thống viễn tin và giải quyết các vấn đề ngay tại công trường của Wirtgen (WITOS)" là một hệ thống thông minh về Công nghệ làm đường của Wirtgen để giải quyết nhanh và hiệu quả các sự cố cũng như quản lí dịch vụ khắp thế giới.		☒
Bộ dụng cụ lớn chứa trong hộp có thể khóa lại được		☒
Cụm an toàn với các công tắc dừng khẩn cấp		☒
Bộ phận giúp nạp dầu thủy lực cho máy		☒
Sơn tiêu chuẩn màu trắng kem RAL 9001		☐
Cụm chiếu sáng với 4 đèn Halogen 24 V		☐

☒ = Trang bị tiêu chuẩn
☐ = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế bằng trang bị tùy chọn
☐ = Trang bị tùy chọn

Trang bị tùy chọn

10
11

		SP 64
Khung máy và hệ thống điều chỉnh cao độ máy		
Các cụm bộ phận khung máy để thu đẩy máy đến bề rộng làm việc trong phạm vi 6 m		☐
Các bánh xích và sự kết nối các bánh xích		
Phiên bản 4 bánh xích loại B0 với guốc xích poli-urethan		☐
Phiên bản với 4 bánh xích loại B0, có thể điều chỉnh chiều cao trong phạm vi 1,000 mm và rộng 300 mm		☐
Phiên bản với 4 bánh xích loại B1 với các guốc xích poli-urethan		☐
Phiên bản với 2 bánh xích xoay bằng thủy lực, lắp phía trước và sau		☐
Hệ thống lái chuyển, cao độ và bộ điều khiển		
Xi lanh lái chuyển cho máy cùng với 4 bánh xích loại B1		☐
2 cảm biến dạng thanh quét		☐
4 cảm biến dạng thanh quét		☐
Bộ điều khiển để lái chuyển các bánh xích bằng thủ công		☐
Các trang bị chờ cho hệ thống cao độ 3D		☐
Dàn trải bê tông để thảm lớp mặt đường		
Guồng xoắn dàn trải bê tông không có dạng mái dốc (guồng xoắn liền, 1 mô tơ dẫn động) - Bề rộng cơ sở 3.5 m		☐
Guồng xoắn dạng chẻ đôi gồm / không gồm khuôn trải dạng trải được mái dốc - Bề rộng cơ sở 3.5 m		☐
Thanh gạt dàn trải bê tông - Bề rộng cơ sở 3.5 m		☐
Guồng xoắn dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 0.25 m, xoắn theo chiều kim đồng hồ		☐
Guồng xoắn dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 0.5 m, xoắn theo chiều kim đồng hồ		☐
Guồng xoắn dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 0.75 m, xoắn theo chiều kim đồng hồ		☐
Guồng xoắn dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 1 m, xoắn theo chiều kim đồng hồ		☐
Guồng xoắn dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 0.25 m, xoắn ngược chiều kim đồng hồ		☐
Guồng xoắn dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 0.5 m, xoắn ngược chiều kim đồng hồ		☐
Guồng xoắn dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 0.75 m, xoắn ngược chiều kim đồng hồ		☐
Guồng xoắn dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 1 m, xoắn ngược chiều kim đồng hồ		☐
Thanh gạt dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 0.25 m		☐
Thanh gạt dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 0.5 m		☐
Thanh gạt dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 0.75 m		☐
Thanh gạt dàn trải bê tông - Bộ nối rộng 1 m		☐

■ = Trang bị tiêu chuẩn
■ = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế bằng trang bị tùy chọn
□ = Trang bị tùy chọn

	SP 64
Bộ rung	
Bộ rung thủy lực với 18 thanh rung	☐
Bộ rung bằng điện với máy phát 40 kVA để kích hoạt được cả 18 thanh rung	☐
6 thanh rung dạng cong D76, dẫn động bằng điện	☐
Thanh rung thẳng D66, dẫn động bằng thủy lực	☐
Thanh rung thẳng D66, dẫn động bằng điện	☐
Trang bị để trải bê tông	
Cổng đo vật liệu cho khuôn trải không có kiểu trải dạng mái dốc - Bề rộng cơ sở 3.5 m	☐
Cổng đo vật liệu dạng chia đôi cho khuôn trải, có / không có kiểu trải dạng mái dốc - Bề rộng cơ sở 3.5 m	☐
Cổng đo vật liệu tự động cho khuôn trải	☐
Khuôn 910 wm, không có kiểu trải dạng mái dốc ở giữa - Bề rộng cơ sở 3.5 m	☐
Khuôn 910 wm, có / không có kiểu trải dạng mái dốc ở giữa - Bề rộng cơ sở 3.5 m	☐
Các tấm chắn hông dạng ghép lại cho khuôn trải kiểu 910 m / 910 wm	☐
Bộ chèn thanh nối ngang giữa vệt trải, thanh cỡ $\varnothing 12 - 25$ mm, dài 400 - 800 mm	☐
Bộ chèn thanh nối dọc tự động (DBI) sử dụng với kết cấu không có kiểu trải mái dốc - Bề rộng cơ sở 3.5 m - Thu đẩy bằng cơ khí	☐
Bộ chèn thanh nối dọc tự động (DBI) sử dụng với kết cấu không có kiểu trải mái dốc - Bề rộng cơ sở 3.5 m - Thu đẩy bằng thủy lực	☐
Bộ chèn thanh nối dọc tự động (DBI), có kiểu trải mái dốc - Bề rộng cơ sở 4 m - Thu đẩy bằng cơ khí	☐
Bộ chèn thanh nối dọc tự động (DBI), có kiểu trải mái dốc - Bề rộng cơ sở 4 m - Thu đẩy bằng thủy lực	☐
Tổ hợp chèn thanh nối dọc (DBI) để trải đến bề rộng 3.5 m	☐
Tổ hợp chèn thanh nối dọc (DBI) để trải đến bề rộng 4 m	☐
Tổ hợp chèn thanh nối dọc (DBI) để trải đến bề rộng 5 m	☐
Tổ hợp chèn thanh nối dọc (DBI) để trải đến bề rộng 6 m	☐
Bộ điều khiển bằng điện cho hệ thống chèn thanh nối dọc (DBI) và chèn thanh nối ngang (TBI) + Cụm nối rộng khung máy để lắp bộ chèn thanh nối dọc (DBI)	☐

☒ = Trang bị tiêu chuẩn
☐ = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế bằng trang bị tùy chọn
☐ = Trang bị tiêu chuẩn

Trang bị tùy chọn

12
13

SP 64

Trang bị để thảm bê tông

Bộ điều khiển bằng điện cho bộ chèn thanh nổi dọc (DBI) và bộ chèn thanh nổi ngang giữa vệt trái (TBI) + Bộ khung máy nổi rộng để lắp bộ chèn thanh nổi ngang giữa vệt trái (TBI)

☐

Bộ điều khiển bằng điện cho bộ chèn thanh nổi dọc (DBI) và bộ chèn thanh nổi ngang giữa vệt trái (TBI) + Bộ khung máy nổi rộng để lắp bộ chèn thanh nổi ngang dọc (DBI) và bộ chèn thanh nổi ngang giữa vệt trái (TBI)

☐

Bộ thiết bị day/miết trên mặt vệt trái cho máy không có khuôn trái kiểu mái dốc - Bề rộng cơ sở 3.5 m

☐

Bộ thiết bị day/miết trên mặt vệt trái cho máy có / không có khuôn trái kiểu mái dốc - Bề rộng cơ sở 3.5 m

☐

Bộ bàn xoa - Bề rộng cơ sở 3.5 m / 12 ft

☐

1 bộ chèn thanh nổi ngang bên hông để lắp các thanh nổi thẳng, tối đa $\varnothing$ 20 mm, dài 800 mm

☐

2 bộ chèn thanh nổi ngang bên hông để lắp các thanh nổi thẳng, tối đa $\varnothing$ 20 mm, dài 800 mm

☐

Cổng đo lường vật liệu - Bộ nổi rộng 0.25 m

☐

Cổng đo lường vật liệu - Bộ nổi rộng 0.5 m

☐

Cổng đo lường vật liệu - Bộ nổi rộng 0.75 m

☐

Cổng đo lường vật liệu - Bộ nổi rộng 1 m

☐

Ván khuôn dòng 900 m / 910 m - Phần nổi rộng 0.25 m

☐

Ván khuôn dòng 910 m - Phần nổi rộng 0.5 m

☐

Ván khuôn dòng 910 m - Phần nổi rộng 0.75 m

☐

Ván khuôn dòng 910 m - Phần nổi rộng 1 m

☐

Bộ khuôn trái loại 910 wm - Phần nổi rộng 0.25 m

☐

Bộ khuôn trái loại 910 wm - Phần nổi rộng 0.5 m

☐

- = Trang bị tiêu chuẩn
- = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế bằng trang bị tùy chọn
- = Trang bị tùy chọn

Trang bị để thảm bê tông

Ván khuôn dòng 910 wm - Phần nối rộng 0.75 m	☐
Ván khuôn dòng 910 wm - Phần nối rộng 1 m	☐
Khuôn trải loại 910 wm - Bộ nối rộng 0.25 m	☐
Khuôn trải loại 910 wm - Bộ nối rộng 0.5 m	☐
Khuôn trải loại 910 wm - Bộ nối rộng 0.75 m	☐
Khuôn trải loại 910 wm - Bộ nối rộng 1 m	☐
Bộ chèn thanh nối dọc (DBI) - Bộ nối rộng 0.25 m	☐
Bộ chèn thanh nối dọc (DBI) - Bộ nối rộng 0.5 m	☐
Bộ chèn thanh nối dọc (DBI) - Bộ nối rộng 0.75 m	☐
Bộ chèn thanh nối dọc (DBI) - Bộ nối rộng 1 m	☐
Các khối đầu chờ để thay thế các bộ chèn thanh nối dọc (DBI)	☐
Khung lắp bộ phận day/miết trên bề mặt vệt trải và cho bộ lắp bàn xoa	☐
Bộ phận day/miết bề mặt - Bộ nối rộng 0.25 m	☐
Bộ phận day/miết bề mặt - Bộ nối rộng 0.5 m	☐
Bộ phận day/miết bề mặt - Bộ nối rộng 0.75 m	☐
Bộ phận day/miết bề mặt - Bộ nối rộng 1 m	☐
Bàn xoa - Bộ nối rộng 0.25 m	☐
Bàn xoa - Bộ nối rộng 0.5 m	☐
Bàn xoa - Bộ nối rộng 0.75 m	☐
Bàn xoa - Bộ nối rộng 1 m	☐
Bàn xoa - Bộ nối rộng 2 m	☐

■ = Trang bị tiêu chuẩn

■ = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế bằng trang bị tùy chọn

□ = Trang bị tùy chọn

Trang bị tùy chọn

14
15

		SP 64
Bộ phận dàn trải bê tông khi trải offset		
Đai băng tải 5.9 m x 0.6 m với chế độ dẫn động lùi bằng thủy lực, điều chỉnh được bằng thủy lực		☐
Đai băng tải 6 m x 0.6 m gấp lại được với chế độ dẫn động lùi bằng thủy lực, điều chỉnh được bằng thủy lực		☐
Đai băng tải 4.6 m x 0.4 m với chế độ dẫn động lùi bằng thủy lực, điều chỉnh được bằng thủy lực		☐
Đai băng tải 5.7 m x 0.4 m với chế độ dẫn động lùi bằng thủy lực		☐
Máng dẫn liệu bằng thép		☐
Máng dẫn liệu bằng thép / nhựa		☐
Trang bị thảm bê tông cho chế độ trải offset		
1 cụm bộ phận điều chỉnh các be chắn hông cho khuôn thảm offset EV bằng thủy lực		☐
Bộ lắp ghép cứng chắc giúp tăng chiều cao cho khuôn trải offset dạng xẻ đôi, cao 0.9 m		☐
Khuôn trải offset rộng 0.6 m (cao tối đa 0.4 m) (Biểu mẫu TEI #2170960)		☐
Khuôn trải offset rộng từ 0.6 m đến 1.2 m (cao tối đa 0.4 m) (Biểu mẫu TEI #2170960)		☐
Khuôn trải offset rộng từ 1.2 m đến 1.8 m (cao tối đa 0.4 m) (Biểu mẫu TEI #2170960)		☐
Ván khuôn trải offset cao 0.9 m (bề rộng cơ sở tối đa 0.6 m), gồm phễu nhận liệu (Biểu mẫu TEI #2170960)		☐
Ván khuôn trải offset cao 1.2 m (bề rộng cơ sở tối đa 0.6 m), gồm phễu nhận liệu (Biểu mẫu TEI #2170960)		☐
Khuôn trải offset dạng xẻ đôi rộng 0.6 m (cao tối đa 0.4 m) (Biểu mẫu TEI #2170960)		☐
Khuôn trải offset dạng xẻ đôi rộng 0.6 m đến 1.2 m (cao tối đa 0.4 m) (Biểu mẫu TEI #2170960)		☐
Các phụ tùng bên dưới cho khuôn trải offset của khuôn dạng chẻ đôi rộng 0.6 m (cao tối đa 0.4 m)		☐
Các phụ tùng bên dưới cho khuôn trải offset của khuôn dạng chẻ đôi rộng từ 0.6 m đến 1.2 m (cao tối đa 0.4 m)		☐
Khoang vận hành		
Mái che cho khoang vận hành, gấp lại được bằng thủ công		☐
Lối đi rộng 0.5 m, bề rộng làm việc 6 m		☐

- = Trang bị tiêu chuẩn
- = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế bằng trang bị tùy chọn
- = Trang bị tùy chọn

	SP 64
Khác	
Sơn bằng 1 màu sơn đặc biệt (RAL)	☐
Sơn bằng 2 màu sơn đặc biệt (RAL)	☐
Sơn bằng tối đa 2 màu sơn đặc biệt với phần nền bên dưới là màu đặc biệt (RAL)	☐
Cụm đèn chiếu sáng công suất lớn gồm 8 đèn LED 24 V	☐
Thùng nước cao áp cho bộ làm sạch máy, thùng chứa bằng thép 500 lít	☐
Bơm nước bằng điện 24 V bổ sung thêm với đường ống mềm 10 m và súng phun nước	☐
Thùng nước bằng thép thêm, 500 lít	☐
Tự cân chỉnh thẳng bằng khi vận chuyển	☐
Đèn tín hiệu xoay halogen 24 V với chuỗi đèn có nam châm	☐
Đèn flash 24 V với chuỗi đèn có nam châm	☐
Cụm bộ phận trái bổ sung	☐
2 đèn dạng khinh khí cầu 230 V, gồm cả máy phát	☐
Cụm đèn chiếu sáng công suất cao với 4 đèn LED làm việc 24 V	☐
Hệ thống cầu, dẫn động bằng cơ khí (xích)	☐
Hệ thống cầu, dẫn động bằng thủy lực	☐
Bộ điều khiển thêm để cài đặt cho các bánh xích	☐
Hệ thống căng cáp, toàn bộ với 1,000 m cáp	☐
Tời tăng đơ thứ cấp cho hệ thống cao độ máy sử dụng với 2 cuộn cáp	☐
Hệ thống tăng đơ cáp, toàn bộ với 4 x 300 m dây nylon	☐
Hệ thống viễn tin WITOS Fleetview với khoảng thời gian hoạt động 3 năm	—
Đánh giá hàng ngày lúc khởi động	☐
Gói xuất khẩu	☐

☒ = Trang bị tiêu chuẩn
☐ = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế bằng trang bị tùy chọn
☐ = Trang bị tùy chọn



WIRTGEN GmbH

Reinhard-Wirtgen-Str. 2 · 53578 Windhagen · Germany
Phone: +49 (0) 26 45 / 131-0 · Fax: +49 (0) 26 45 / 131-392
Internet: www.wirtgen.com · E-Mail: info@wirtgen.com

TỔNG ĐẠI LÝ CHÍNH THỨC TẠI VIỆT NAM



Công ty CP Tổng Công Ty Vĩnh Phú

Số 990 - Xa lộ Hà Nội - P. Bình Đa - Biên Hòa - Đồng Nai
ĐT: 02513 831 615 - Fax: 02513 836 836
Email: vinhphu@vitrac.vn - Website: www.vitrac.vn

Văn phòng, Kho hàng tại Hà Nội

Lô 1 - KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội
ĐT: 02435 562 277 - Fax: 02435 561 212
Email: vinhphuhanoi@vitrac.vn